

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Đ  
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/DS-ST

Ngày: 06 - 12 - 2021

V/v: “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Mai Lương Anh;
2. Ông Dương Hải Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ - tỉnh L tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ - tỉnh L; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 69/2021/TLST - DS ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 8 năm 2021, thông báo mở lại phiên tòa số 865/TB - PT ngày 30/9/2021, thông báo mở lại phiên tòa số 990/TB - PT ngày 01/11/2021 và thông báo thay đổi thời gian xét xử số 1060/TB - TA ngày 17/11/2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Bùi Thị T**, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Số 70 (số mới), đường N, Thái Phiên, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T:* Luật sư **Nguyễn Thị H** - Văn phòng luật sư T - Tộc đoàn luật sư tỉnh L (có mặt).

*Bị đơn:* Bà **Đoàn Thị T**.

Địa chỉ: Tổ 12, đường N, Phường K, thành phố Đ, tỉnh L (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 30/3/2021, bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng của nguyên đơn bà Bùi Thị T trình bày thì: Bà và Đoàn Thị T cùng ở Thái Phiên, nên vào ngày 26 tháng 1 (âm lịch) năm 2015, bà đã cho bà T mượn số tiền 40.000.000đ, khi cho mượn không thỏa Tận lãi suất, bà T hẹn 02 tháng

sau sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà, tuy nhiên sau đó bà T đã không thực hiện việc trả nợ cho bà. Bà đã gặp và yêu cầu bà T có trách nhiệm trả tiền cho bà và bà T hứa hẹn nhiều lần sẽ trả tiền cho bà, vì thấy hoàn cảnh bà T khó khăn nên bà T đã cho bà T thêm thời gian. Tuy nhiên, đã nhiều năm mà bà T không chịu trả nợ. Nay, bà T khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà khoản nợ đã mượn là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã triệu tập và niêm yết các thủ tục tố tụng hợp lệ đối với bị đơn bà Đoàn Thị T nhưng bà T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án, nên không tiến hành hòa giải được.

#### *Tại phiên tòa*

Nguyên đơn bà Bùi Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả khoản nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) theo giấy mượn tiền ngày 26 tháng 1 (âm lịch) năm 2015, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm. Bị đơn bà T vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án căn cứ các quy định của pháp luật buộc bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán, đương sự và Hội Đồng xét xử. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T đối với bị đơn bà Đoàn Thị T, buộc bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà T số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Xuất phát từ việc giữa bà Bùi Thị T và bà Đoàn Thị T có xác lập giao dịch dân sự vay mượn tiền, do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà T khởi kiện đòi nợ. Do vậy, có đủ cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp kiện đòi tài sản*" theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nói trên.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà Đoàn Thị T đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng đều vắng mặt, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo hồ sơ thể hiện ngày 26 tháng 1 (ÂL) không ghi năm thì bà Đoàn Thị T đã viết giấy mượn của bà Bùi Thị T số tiền là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), hẹn 2 tháng sẽ trả đủ; trong giấy mượn tiền không thể hiện về khoản tiền lãi; theo bà T trình bày quá trình bà T mượn tiền của bà thì bà T chưa trả nợ cho

bà T, tài liệu chứng cứ bà T cung cấp cho Tòa án là giấy mượn tiền ghi ngày 26 tháng 1 (ÂL) không ghi năm, có chữ ký của bà Đoàn Thị T.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 17/9/2021 Tòa án nhận được văn bản số 54/YC - VKS đề ngày 06/9/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ yêu cầu Tòa án tiến hành T thập chứng cứ là giám định chữ ký của bà T, tuy nhiên phía nguyên đơn bà T không đồng ý làm thủ tục giám định chữ ký, đồng thời khẳng định chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền là của bà Đoàn Thị T và chịu trách nhiệm trước pháp luật với trình bày của mình.

Xét lời trình bày của nguyên đơn bà Bùi Thị T cùng các tài liệu chứng cứ Tòa án T thập được thì có căn cứ xác định giữa bà T và bà T đã xác lập giao dịch vay mượn tài sản với số nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) là xảy ra trong thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà T; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà T khoản nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) theo giấy mượn tiền ghi ngày 26 tháng 1 (ÂL) không thể hiện năm, ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác. Vì vậy đối với yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Với những nhận định trên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị T về việc buộc bị đơn bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc là 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm; bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho bà T.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” của nguyên đơn bà Bùi Thị T đối với bị đơn bà Đoàn Thị T.

Tuyên xử:

1/Buộc bà Đoàn Thị T phải trả cho bà Bùi Thị T số tiền nợ gốc 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) theo giấy mượn tiền ghi ngày 26 tháng 01 (ÂL) - không ghi năm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị T Tộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí nên không xem xét.

3/Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/12/2021). Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Đ;
- Chi cục THADS tp.Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đã ký**

**Trần Thị Lan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ'**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**